

Số: /TTr-SNNMT

Quảng Ngãi, ngày tháng 01 năm 2026

TỜ TRÌNH

Dự thảo Nghị quyết của Tỉnh ủy về phát triển nông nghiệp hàng hóa đi vào chiều sâu và bền vững, gắn với công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ giai đoạn 2026 - 2030

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi

Thực hiện Kế hoạch số 120/KH-UBND ngày 30/12/2025 của UBND tỉnh về thực hiện Chương trình hành động số 05-CTr/ĐU ngày 07/11/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ UBND tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030; Sở Nông nghiệp và Môi trường kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh Dự thảo Nghị quyết của Tỉnh ủy về phát triển nông nghiệp hàng hóa đi vào chiều sâu và bền vững, gắn với công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ giai đoạn 2026 - 2030, với những nội dung cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

Thời gian qua, cấp ủy, chính quyền các cấp trong tỉnh đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững, từng bước chuyển từ phát triển theo chiều rộng sang chiều sâu, gắn sản xuất với công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ, đạt được một số kết quả tích cực. Nhận thức của người dân về phát triển nông nghiệp bền vững, nâng cao giá trị gia tăng và sức cạnh tranh của nông sản ngày càng được nâng lên; một số tiến bộ khoa học - kỹ thuật, quy trình sản xuất an toàn, thân thiện với môi trường từng bước được áp dụng vào sản xuất và chế biến nông sản. Tư duy sản xuất nông nghiệp đã có sự chuyển biến từ manh mún, nhỏ lẻ sang tổ chức lại sản xuất theo chuỗi giá trị, tăng cường liên kết giữa nông dân, hợp tác xã và doanh nghiệp, góp phần nâng cao thu nhập cho người dân, thúc đẩy xây dựng nông thôn mới và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Tuy nhiên, phát triển nông nghiệp bền vững trên địa bàn tỉnh vẫn còn nhiều hạn chế. Việc hình thành các vùng sản xuất tập trung, vùng nguyên liệu ổn định phục vụ công nghiệp chế biến còn chậm, thiếu tính bền vững. Thu hút đầu tư vào nông nghiệp, nhất là đầu tư vào chế biến sâu và tiêu thụ sản phẩm, chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế của tỉnh. Ứng dụng và chuyển giao khoa học, công nghệ trong sản xuất, bảo quản và chế biến nông sản còn hạn chế, chưa đồng bộ, quy mô nhỏ. Tổ chức sản xuất nông nghiệp hàng hóa quy mô lớn và

liên kết giữa các khâu sản xuất - chế biến - tiêu thụ theo chuỗi giá trị chưa chặt chẽ, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới.

Nguyên nhân chủ yếu của những hạn chế trên xuất phát từ việc nguồn nhân lực phục vụ phát triển nông nghiệp hàng hóa theo hướng chuyên sâu, bền vững còn chưa đáp ứng yêu cầu về trình độ, kỹ năng và kinh nghiệm; cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn chưa thực sự đồng bộ, đủ mạnh và hấp dẫn; đồng thời, nguồn lực đầu tư cho kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất, chế biến và logistics nông sản còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển trong tình hình mới.

Xuất phát từ yêu cầu thực tiễn nêu trên, việc ban hành Nghị quyết của Tỉnh ủy về phát triển nông nghiệp hàng hóa đi vào chiều sâu và bền vững, gắn với công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ là hết sức cần thiết, nhằm thống nhất nhận thức, xác định rõ quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm; làm cơ sở để các cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tập trung lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện đồng bộ, hiệu quả trong thời gian tới.

II. QUAN ĐIỂM VÀ MỤC TIÊU XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Quan điểm xây dựng Nghị quyết

- Phát triển nông nghiệp hàng hóa đi vào chiều sâu và bền vững, gắn với công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ là nhiệm vụ trọng tâm mang tính chiến lược; gắn liền với quá trình cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng hiệu quả, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu và xây dựng nông thôn mới.

- Phát triển nông nghiệp dựa trên tiềm năng và lợi thế của từng vùng; hình thành các vùng sản xuất tập trung, vùng nguyên liệu ổn định; ưu tiên phát triển sản phẩm chủ lực, đặc hữu, nhất là dược liệu gắn với công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ.

- Khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là động lực then chốt, thúc đẩy phát triển nông nghiệp công nghệ cao, hữu cơ, tuần hoàn, sinh thái; nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp.

- Lấy người dân, hợp tác xã và doanh nghiệp làm trung tâm, chủ thể phát triển nông nghiệp; Nhà nước giữ vai trò kiến tạo, hoàn thiện cơ chế, chính sách, tạo môi trường thuận lợi để thu hút đầu tư, thúc đẩy liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị.

2. Mục tiêu xây dựng Nghị quyết

2.1. Mục tiêu chung:

- Chuyển mạnh tư duy từ sản xuất nông nghiệp sang phát triển kinh tế nông nghiệp. Khuyến khích phong trào khởi nghiệp trong lĩnh vực nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp thông minh, nông nghiệp số.

- Đẩy mạnh cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng hiệu quả, bền vững; phát triển các ngành hàng chủ lực, lợi thế theo vùng, miền.

- Đẩy mạnh kết nối thị trường, quảng bá sản phẩm, xây dựng và phát triển thương hiệu nông sản, mở rộng thị trường tiêu thụ trong nước và xuất khẩu; nâng cao vị thế và giá trị nông sản của tỉnh trên thị trường quốc tế.

2.2. Mục tiêu cụ thể:

- Phân đầu tốc độ tăng trưởng bình quân hằng năm trong giai đoạn 2026 - 2030 của lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt 5% - 6%/năm.

- Đến năm 2030, phát triển diện tích sản xuất theo thực hành nông nghiệp tốt, giảm phát thải khí nhà kính, trồng trọt hữu cơ, VietGAP và tương đương khoảng 4.000 ha; hình thành vùng trồng được liệu tập trung khoảng 7.800 ha và trở thành tỉnh sản xuất được liệu lớn của cả nước; phân đầu toàn tỉnh có 05 vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, 05 doanh nghiệp nông nghiệp công nghệ cao; thu hút, hình thành thêm từ 01 - 02 nhà máy chế biến sâu các sản phẩm từ nông nghiệp; duy trì và mở rộng các sản phẩm tham gia chuỗi giá trị sản phẩm quốc gia.

- Ổn định diện tích cà phê xứ lạnh hiện có theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị gia tăng; phân đầu đến năm 2030 diện tích cà phê xứ lạnh đạt từ 7.000 ha trở lên. Đồng thời, duy trì, phát triển và ổn định bền vững diện tích cây ăn quả hiện có, gắn với chế biến và thị trường tiêu thụ.

- Phân đầu hình thành và được cấp 30 mã số vùng trồng; 08 mã số cơ sở đóng gói phục vụ công tác xuất khẩu.

- Xây dựng và duy trì, đảm bảo chăn nuôi an toàn dịch bệnh đối với các bệnh nguy hiểm theo tiêu chuẩn của Việt Nam và Tổ chức Thú y thế giới (WOAH), phục vụ tiêu thụ trong nước và xuất khẩu.

- Phân đầu đến 2030: 100% trang trại chăn nuôi quy mô lớn có chứng nhận an toàn dịch bệnh và phát triển thêm 01 trang trại bò sữa, các trang trại chăn nuôi sử dụng công nghệ hiện đại giảm thiểu ô nhiễm môi trường. Tỷ lệ tiêm phòng các bệnh bắt buộc đạt tối thiểu 80% tổng đàn gia súc, gia cầm trong diện tiêm phòng hằng năm; kiểm soát hiệu quả các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm trên động vật.

- Mở rộng diện tích nuôi trồng thủy sản, tăng chất lượng sản phẩm từ nuôi trồng; giám sát lượng tàu cá và ổn định sản lượng khai thác thủy sản để phục hồi

nguồn lợi thủy sản; phát triển các chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp, thủy sản chủ lực, sản phẩm đặc hữu gắn với chỉ dẫn địa lý, thương hiệu và thị trường tiêu thụ.

- Đến năm 2030, diện tích nuôi trồng thủy sản đạt 2.491 ha, phát triển 2.500 ô lồng nuôi trên biển; sản lượng nuôi trồng đạt 17.547 tấn, sản lượng khai thác đạt 267.400 tấn/năm; hình thành 02 chuỗi liên kết khai thác, nuôi trồng - chế biến - tiêu thụ thủy sản; 100% cơ sở sản xuất, kinh doanh thủy sản bảo đảm an toàn thực phẩm và tuân thủ quy định của pháp luật.

- Phát huy vai trò của hợp tác xã nông nghiệp trong liên kết sản xuất - tiêu thụ giữa doanh nghiệp và nông dân. Phấn đấu đến năm 2030 thành lập mới khoảng 50 hợp tác xã nông nghiệp, 01 liên hiệp hợp tác xã nông nghiệp; phát triển khoảng 400 sản phẩm OCOP, trong đó có ít nhất 7 sản phẩm tiềm năng đạt 5 sao và 50 sản phẩm đạt 4 sao.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Thực hiện nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch số 120/KH-UBND ngày 30/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện Chương trình hành động số 05-CTr/ĐU ngày 07/11/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ Ủy ban nhân dân tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã tham mưu xây dựng dự thảo Nghị quyết của Tỉnh ủy về phát triển nông nghiệp hàng hóa đi vào chiều sâu và bền vững, gắn với công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ giai đoạn 2026 - 2030 (*gọi tắt là Dự thảo Nghị quyết*) cụ thể như sau: Thành lập Tổ soạn thảo Nghị quyết của Tỉnh ủy về phát triển nông nghiệp hàng hóa đi vào chiều sâu và bền vững, gắn với công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ giai đoạn 2026 - 2030 (*Quyết định số 74/QĐ-SNNMT ngày 13/01/2026 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường*).

Tổ soạn thảo Nghị quyết đã xây dựng Đề cương Nghị quyết và tổ chức lấy ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị; đồng thời xin ý kiến UBND đối với Đề cương Nghị quyết tại Công văn số 660/SNNMT-TT BVCL ngày 20/01/2026.

Trên cơ sở ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị, Sở Nông nghiệp và Môi trường xây dựng dự thảo Nghị quyết và Tờ trình Dự thảo Nghị quyết và tổ chức lấy ý kiến của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các Tổ chức Chính trị- Xã hội tỉnh Quảng Ngãi; các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu Lý Sơn và các đơn vị có liên quan tại Công văn số 785/SNNMT-TT BVCL ngày 23/01/2026.

Sở Nông nghiệp và Môi trường đã tiếp thu, giải trình đầy đủ ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị và hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết trình UBND tỉnh xem xét trình cấp có thẩm quyền xem xét, cho ý kiến.

IV. NHỮNG NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Dự thảo Nghị quyết của Tỉnh ủy về phát triển nông nghiệp hàng hóa đi vào chiều sâu và bền vững, gắn với công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ giai đoạn 2026 - 2030 được xây dựng với kết cấu gồm 03 phần chính, gồm các nội dung chủ yếu sau:

1. Đánh giá khái quát tình hình phát triển nông nghiệp của tỉnh trong thời gian qua; làm rõ những kết quả đạt được, những hạn chế, tồn tại và nguyên nhân, nhất là các vấn đề liên quan đến tổ chức sản xuất nông nghiệp hàng hóa, phát triển vùng nguyên liệu, thu hút đầu tư vào công nghiệp chế biến, ứng dụng khoa học - công nghệ và liên kết thị trường tiêu thụ sản phẩm.

2. Quan điểm và mục tiêu: Xác định rõ quan điểm phát triển nông nghiệp hàng hóa đi vào chiều sâu và bền vững, gắn với công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ; đồng thời đề ra mục tiêu chung và các mục tiêu cụ thể đến năm 2030.

3. Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu: Gồm 6 nhiệm vụ và giải pháp như sau:

3.1 Đẩy mạnh tuyên truyền, vận động thực hiện chủ trương phát triển nông nghiệp hàng hóa đi vào chiều sâu và bền vững, gắn với công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ

3.2. Thực hiện tốt công tác quản lý Nhà nước trong phát triển nông nghiệp hàng hóa đi vào chiều sâu và bền vững, gắn với công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ

3.3. Tái cơ cấu sản xuất, phát triển vùng nguyên liệu và công nghiệp chế biến.

3.4. Tiếp tục rà soát, hoàn thiện cơ chế chính sách; thúc đẩy nghiên cứu, phát triển thị trường, hỗ trợ xuất khẩu nông thủy sản

3.5. Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực cho đầu tư phát triển nông nghiệp hàng hóa đi vào chiều sâu và bền vững, gắn với công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ

3.6. Đẩy mạnh khoa học - công nghệ và chuyển đổi số cho phát triển nông nghiệp hàng hóa đi vào chiều sâu và bền vững, gắn với công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ

(Hồ sơ kèm theo: Dự thảo Nghị quyết của Tỉnh ủy về phát triển nông nghiệp hàng hóa đi vào chiều sâu và bền vững, gắn với công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ giai đoạn 2026 - 2030; Dự thảo các Tờ trình; Báo cáo tổng

hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý đối với Dự thảo Nghị quyết của Tỉnh ủy về phát triển nông nghiệp hàng hóa đi vào chiều sâu và bền vững, gắn với công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ giai đoạn 2026 - 2030; Báo cáo thuyết minh cơ sở đề xuất các chỉ tiêu của Nghị quyết và các văn bản khác có liên quan).

Sở Nông nghiệp và Môi trường kính trình UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- GD, các PGD Sở;
- Các Chi cục: Trồng trọt, BVTV và QLCL; Chăn nuôi và Thú y; Thủy sản-Biển đảo; Kiểm lâm; Phát triển nông thôn; Thủy lợi;
- Trung tâm Khuyến nông;
- Các phòng: KH-TC; Văn phòng Sở;
- Lưu: VT, TTBVCL_{tn}.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Quang Trung